

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 505;
- Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu số 22/BB-S55-ĐH22 ngày 26/03/2022;
- Căn cứ và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số: 23/BB-S55-ĐH22 đã được thông qua ngày 26/03/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất thông qua 08 nội dung do HĐQT công ty trình như sau:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021. Tỷ lệ tán thành 100%
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021. Tỷ lệ tán thành 100%
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. Tỷ lệ tán thành 100%
4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	100.000.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế năm trước chưa phân phối	Đồng	
III	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2021	Đồng	64.452.501.492
1	Lợi nhuận Công ty mẹ	Đồng	60.374.326.040
2	Lợi nhuận tại Công ty con, công ty liên kết	Đồng	106.565.684.223
-	Lợi nhuận tại Công ty CP điện Bắc Nà	Đồng	17.661.928.887
-	Lợi nhuận tại Công ty cổ phần Ehula	Đồng	29.949.776.093
-	Lợi nhuận tại Công ty cổ phần xây dựng S55	Đồng	49.243.013.542
-	LN còn lại tại Công ty Sông Ông năm 2021	Đồng	9.710.965.701
3	Loại trừ LN từ giao dịch với Công ty con	Đồng	(102.487.508.771)
IV	Thuế TNDN năm 2021		6.782.274.354
1	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	16.495.999.913
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty mẹ	Đồng	10.369.612.695
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Ehula	Đồng	5.077.290.517
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Bắc Nà	Đồng	1.000.803.348
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty XD S55	Đồng	48.293.353
2	Thuế TNDN hoãn lại từ LN hình thành với cty con	Đồng	(9.713.725.559)
V	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Đồng	57.670.227.137
VI	Phương án phân phối (=II+V)	Đồng	57.670.227.137
1	Chi trả cổ tức năm 2021	Đồng	10.000.000.000
-	Chi trả cổ tức 10% bằng TM (theo thời điểm chốt)	Đồng	10.000.000.000
2	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	Đồng	31.776.554.957
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Đồng	31.776.554.957
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Đồng	15.893.672.180



Tỷ lệ tán thành 92,55%

5. Mức chi trả thù lao năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

TT	Nội dung	Đơn vị	TH năm 2021	KH năm 2022
1	Hội đồng quản trị	10 ³ đ	528.000	528.000
2	Ban kiểm soát	10 ³ đ	168.000	168.000
	Tổng cộng	10³đ	696.000	696.000

Tỷ lệ tán thành 100%

6. Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

Tỷ lệ tán thành 100%

7. Kế hoạch SXKD, đầu tư và KH huy động, sử dụng vốn năm 2022

a) Kế hoạch SXKD:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	10 ⁶ đ	114.561	1.147.757
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	8.660	83.787
3	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	100.000	100.000
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	32.457	92.871
5	Cổ tức dự kiến 10%	10 ⁶ đ	10.000	10.000

b) Kế hoạch đầu tư và KH huy động, sử dụng vốn:

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
A	Kế hoạch sử dụng vốn	10⁶đ	209.990	523.210
I	Đầu tư	10⁶đ	80.000	85.000
1	Góp vốn đầu tư	10 ⁶ đ	80.000	80.000
2	Đầu tư thiết bị thi công	10 ⁶ đ		5.000
II	Phục vụ SXKD	10⁶đ	129.990	438.210
B	Nguồn vốn tự có và huy động	10⁶đ	209.990	523.210
I	Vốn tự có tham gia vào SXKD	10⁶đ	159.990	253.210
II	Vốn huy động	10⁶đ	50.000	270.000
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	10 ⁶ đ	50.000	70.000
2	Vay dài hạn ngân hàng	10 ⁶ đ		100.000
3	Huy động vốn của CBCNV	10 ⁶ đ		30.000
4	Ứng vốn thi công, huy động khác	10 ⁶ đ		70.000

Tỷ lệ tán thành 100%

8. Thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Tỷ lệ tán thành 100%

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty tổ chức thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 3: Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày 26/03/2022, các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty theo nghĩa vụ và quyền hạn chiếu nghị quyết này thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ecopy Website, HĐQT, BKS, GD;
- Lưu tài liệu ĐHĐCĐ2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Tất Thành





BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Hôm nay, vào lúc 8h30' ngày 26 tháng 03 năm 2022, tại địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Công ty Cổ phần Sông Đà 505, công tác chuẩn bị, thống kê cổ đông đến dự đã hoàn thành với sự tham dự của 30 cổ đông trên tổng số 428 cổ đông được triệu tập về dự Đại hội, sở hữu và đại diện sở hữu: **8.393.086/10.000.000** cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ **83,93%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Ông Nguyễn Gia Tùng đã tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đủ điều kiện tiến hành họp.

- Chủ tọa Đại hội là **Ông Đặng Tất Thành** - Chủ tịch HĐQT và giúp việc cho chủ tọa đại hội là **Ông Đặng Quang Đạt** - Phó Chủ tịch HĐQT và **Ông Vũ Sơn Thủy** - UV HĐQT.
- Chủ tọa giới thiệu ban thư ký gồm: Ông Nguyễn Đức Mỹ và Bà Đinh Thị Trang Nhung. Đại hội đã thông qua 100%.

DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

1. Chủ tọa Đại hội đã đọc và thông qua chương trình Đại hội. Sau khi tiếp nhận ý kiến cổ đông, Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội với 30/30 phiếu biểu quyết tương ứng tỷ lệ tán thành 100%
2. Đại hội nghe **ông Đặng Tất Thành** - Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2021.
3. **Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh** - Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo tổng kết hoạt động của ban kiểm soát năm 2021, đánh giá quá trình giám sát hoạt động SXKD, hoạt động của HĐQT, ban giám đốc, các cán bộ quản lý năm 2021 đồng thời đưa ra ý kiến nhận xét đánh giá về những mặt đã, chưa làm được và kiến nghị.
4. **Ông Đặng Quang Đạt** - Phó Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình số 20/TTr-S55-HĐQT của HĐQT về các vấn đề cần ĐH thông qua.
5. **Bà Nguyễn Thùy Dương** - Kế toán trưởng đọc báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán do Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện.

Sau khi trình bày các nội dung cần thông qua Đại hội, Chủ tọa đã đề nghị các Cổ đông ĐH cho ý kiến đóng góp sửa đổi, bổ sung với những ý kiến và nội dung giải đáp như sau:

Ý kiến chất vấn của cổ đông	Nội dung giải đáp
<ul style="list-style-type: none"> • Ý kiến 1: Đề nghị kiểm tra lại số liệu trong BCTC quý IV/2021 đã được công bố về chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của công ty mẹ có sai khác với BCTC năm 2020 và BCTC năm 2021 sau kiểm toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đây là sai sót do lỗi nhập liệu. Công ty sẽ có đính chính lại.
<ul style="list-style-type: none"> • Ý kiến 2: Khoản dự phòng phải thu khó đòi năm nào cũng duy trì ở mức cao, năm nay không giảm mà còn tăng thêm 12 tỷ. Đề nghị giải thích rõ khoản tăng lên. Câu hỏi đặt 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc trích lập dự phòng năm nay tăng thêm 12 tỷ, đến từ 02 nguyên nhân: Một là công ty trích thêm khoản giá trị giữ lại chờ quyết toán (5%) của công trình Xekamán 3. Hai là khoản doanh thu trích trước tại dự án Thủy điện Đa Dâng 4,1 tỷ mà hiện nay việc khởi kiện tại dự án



ra là liệu con số có tiếp tục tăng hay không?

- Ý kiến 3: Đề nghị giải thích kỹ hơn về công nợ tại dự án Thủy điện Sê san 4 và Pleikrông, tại sao nếu ký quyết toán thì công nợ lại âm?

- Ý kiến 4: Giải thích kỹ hơn về tỷ lệ sở hữu tăng lên của Công ty cổ phần Sông Đà 505 tại Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ông.

- Ý kiến 5: Đề nghị HĐQT dự báo về kết quả kinh doanh quý I/2022 của công ty có khả quan hay không? Tính khả thi của kế hoạch lợi nhuận năm 2022 là 92 tỷ.

-

- Ý kiến 6: HĐQT cho biết năm 2022 có sự thay đổi giá bán điện hay không? Giá các loại hàng hóa như than, dầu khí tăng cao thì giá bán điện của thủy điện có được hưởng lợi gì không?

- Ý kiến 7: HĐQT giải thích thêm về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, trích lập quỹ đầu tư phát triển khá lớn, tỷ lệ trả cổ tức không đổi vẫn là 10% thì công ty đã có định hướng cụ thể chưa? Trong BCTC cho thấy công ty duy trì lượng tiền khá lớn, đề nghị giải thích lý do.

- Ý kiến 8: Về đội ngũ lãnh đạo, đề nghị giải trình về việc thay đổi Kế toán trưởng 2 lần trong năm. Việc

này đang bị hết thời hạn khởi kiện do Chủ đầu tư không hợp tác. Hiện nay cơ bản các khoản dự phòng đã được trích ở mức tối đa, an toàn nhất, khả năng tăng lên là rất ít.

- Công nợ tại 2 dự án này đã được trích lập dự phòng 100%, giá trị hơn 8 tỷ. Hiện nay do TCT Sông Đà không bảo vệ được ý kiến trước kiểm toán về phần thép chiếm chỗ, định mức cấp phối vữa bê tông, cự ly vận chuyển vật tư,... dẫn đến giá trị bị giảm trừ sau kiểm toán. Nếu công ty ký quyết toán đồng nghĩa với việc chấp nhận giá trị giảm trừ thì công nợ tại 2 dự án sẽ chuyển từ dương sang âm khoảng 800 triệu. Chính vì vậy công ty chưa xác nhận quyết toán.

- HĐQT khẳng định tỷ lệ sở hữu của CTCP Sông Đà 505 tại CTCP thủy điện Sông Ông là không thay đổi, tỷ lệ là 33,8%.

- Tính đến thời điểm hiện tại kết quả kinh doanh quý I/2022 là rất khả quan. Riêng kế hoạch lợi nhuận năm 2022 thì HĐQT đưa ra đã xem xét kỹ và mang tính thận trọng cao. Ngoài các yếu tố khách quan không lường trước được thì tính khả thi của kế hoạch này tương đối cao.

- Bộ Công thương đã có công bố, năm 2022 không có sự thay đổi về giá bán điện. Giá các loại hàng hóa khác tăng cũng không có tác động hưởng lợi gì đến giá bán điện của thủy điện.

- Về việc phân phối lợi nhuận: Trong tình hình nền kinh tế khó khăn chung, nguy cơ lãi suất có khả năng tăng lên, Công ty giữ lại lợi nhuận tăng trích lập quỹ đầu tư, không chia cổ tức cao nhằm đảm bảo an toàn về tài chính cho công ty trước những biến động khó lường hiện nay. Về báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Do công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư nên dự phòng lượng tiền lớn để luôn sẵn sàng nguồn lực tài chính cho các cơ hội mới khả quan. Đồng thời việc duy trì các khoản tiền này còn được dùng bảo lãnh cho các khoản vay để hưởng lợi về lãi suất đi vay. HĐQT khẳng định về hiệu quả trong việc sử dụng vốn khi duy trì lượng tiền lớn này.

- Vì là công ty đại chúng nên công ty luôn tuân thủ quy định về công bố thông tin, tuy nhiên công tác nhân sự còn có sự lệ thuộc vào các cá nhân.

này có gây ảnh hưởng đến công tác quản trị cũng như tính chính xác của BCTC hay không?

• Ý kiến 9: Lượng cổ phiếu lưu hành của công ty hiện nay tương đối thấp. Công ty có chủ trương chia cổ phiếu thưởng 1:1 cho các cổ đông hay không? Ý kiến này đồng quan điểm với 1 ý kiến mà HĐQT nhận được qua email

Dù vậy công ty đã tìm kiếm và lựa chọn phương án tốt nhất để có thể đảm bảo tối thiểu sự xáo trộn gây ảnh hưởng đến quản trị và đảm bảo năng lực về chuyên môn cho vị trí nhân sự đảm nhiệm.

- Về việc chia cổ phiếu thưởng, HĐQT tiếp thu ý kiến của cổ đông và sẽ xem xét sau. Bởi vì nếu chia cổ phiếu thưởng sẽ dẫn đến các chỉ tiêu tài chính cũng giảm tính hấp dẫn.

6. Đại hội tiến hành Bầu ban kiểm phiếu gồm: 03 người

- Bà Nguyễn Thị Kim Ánh - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Gia Tùng - Ủy viên
- Bà Đặng Thu Thảo - Ủy viên

Đại hội biểu quyết thông qua 100%

7. ĐHCĐ tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung theo Tờ trình của HĐQT Công ty trình và Đại hội thống nhất. Sau khi Ban kiểm phiếu làm việc, kết quả biểu quyết 09 nội dung như sau:

7.1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021. Tỷ lệ tán thành 100%

7.2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021. Tỷ lệ tán thành 100%

7.3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. Tỷ lệ tán thành 100%

7.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	100.000.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế năm trước chưa phân phối	Đồng	
III	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2021	Đồng	65.868.361.268
1	Lợi nhuận Công ty mẹ	Đồng	60.374.326.040
2	Lợi nhuận tại Công ty con, công ty liên kết	Đồng	106.565.684.223
-	Lợi nhuận tại Công ty CP điện Bắc Nà	Đồng	17.661.928.887
-	Lợi nhuận tại Công ty cổ phần Ehula	Đồng	29.949.776.093
-	Lợi nhuận tại Công ty cổ phần xây dựng S55	Đồng	49.243.013.542
-	LN còn lại tại Công ty Sông Ông năm 2021	Đồng	9.710.965.701
3	Loại trừ LN từ giao dịch với Công ty con	Đồng	(102.487.508.771)
IV	Thuế TNDN năm 2021	Đồng	13.428.997.740
1	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	18.997.083.353
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty mẹ	Đồng	17.315.150.730
-	Thuế TNDN phát sinh tại Ehula	Đồng	5.077.290.517
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Bắc Nà	Đồng	1.000.803.348
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty XD S55	Đồng	48.293.353
2	Thuế TNDN hoãn lại từ LN hình thành với Cty con	Đồng	(9.713.725.559)



TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
V	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (=III-IV)	Đồng	57.670.227.137
VI	Phương án phân phối (=II+V)	Đồng	57.670.227.137
1	Chi trả cổ tức năm 2021	Đồng	10.000.000.000
-	Chi trả cổ tức 10% bằng TM (theo thời điểm chốt)	Đồng	10.000.000.000
2	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	Đồng	32.736.475.655
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Đồng	31.776.554.957
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Đồng	15.893.672.180

Tỷ lệ tán thành 92,55%

7.5. Thông qua Mức chi trả thù lao năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

TT	Nội dung	Đơn vị	TH năm 2021	KH năm 2022
I	Thù lao:	10 ³ đ	696.000	696.000
1	Hội đồng quản trị	10 ³ đ	528.000	528.000
2	Ban kiểm soát	10 ³ đ	168.000	168.000
	Tổng cộng	10³đ	696.000	696.000

Tỷ lệ tán thành 100%

7.6. Thông qua nội dung: Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

Tỷ lệ tán thành 100%

7.7. Thông qua Kế hoạch SXKD, đầu tư và KH huy động, sử dụng vốn năm 2022

a) Kế hoạch SXKD:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	10 ⁶ đ	114.561	1.147.757
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	8.660	83.787
3	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	100.000	100.000
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	32.457	92.871
5	Cổ tức dự kiến 10%	10 ⁶ đ	10.000	10.000

b) Kế hoạch đầu tư và KH huy động, sử dụng vốn:

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
A	Kế hoạch sử dụng vốn	10 ⁶ đ	209.990	523.210
I	Đầu tư	10 ⁶ đ	80.000	85.000
1	Góp vốn đầu tư	10 ⁶ đ	80.000	80.000
2	Đầu tư thiết bị thi công	10 ⁶ đ		5.000
II	Phục vụ SXKD	10 ⁶ đ	129.990	438.210

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
B	Nguồn vốn tự có và huy động	10⁶đ	209.990	523.210
I	Vốn tự có tham gia vào SXKD	10⁶đ	159.990	253.210
II	Vốn huy động	10⁶đ	50.000	270.000
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	10 ⁶ đ	50.000	70.000
2	Vay dài hạn ngân hàng	10 ⁶ đ		100.000
3	Huy động vốn của CBCNV	10 ⁶ đ		30.000
4	Ứng vốn thi công, huy động khác	10 ⁶ đ		70.000

Tỷ lệ tán thành 100%

7.8. Thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng xây lắp có giá trị >35% tổng tài sản của Công ty trong trường hợp tiếp cận được gói thầu mới.

Tỷ lệ tán thành 0,04%

7.9. Thông qua nội dung ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Điều lệ và tổ chức hoạt động cho phù hợp với Luật DN số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, thông tư hướng dẫn đối với Công ty đại chúng.

Tỷ lệ tán thành 100%

Biên bản được lập và kết thúc vào hồi 11h00' cùng ngày, đại diện thư ký Đại hội đọc toàn văn biên bản và đề nghị các cổ đông biểu quyết thông qua. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty ra nghị quyết về các nội dung đã được đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua tại đại hội. Nghị quyết về đại hội đồng cổ đông công bố ra đại chúng ngay sau khi Đại hội kết thúc.


Biên bản lập thành 01 bản lưu trong tài liệu ĐHCĐ 2022 cùng các báo cáo, tờ trình, biên bản kiểm phiếu, sổ cổ đông dự đại hội là tài liệu không tách rời./.

BAN THƯ KÝ



Đinh Thị Trang Nhung

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Đặng Tất Thành





BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Chúng tôi được Đại hội cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần Sông Đà 505 tín nhiệm bầu vào Ban kiểm phiếu gồm:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| 1. NGUYỄN THỊ KIM ÁNH | - Trưởng ban |
| 2. NGUYỄN GIA TÙNG | - Ủy viên |
| 3. ĐẶNG THU THẢO | - Ủy viên |

Ngay sau khi các cổ đông thực hiện xong quyền biểu quyết các vấn đề thông qua Đại hội, Ban kiểm phiếu đã tiến hành thu lại toàn bộ 30 phiếu biểu quyết để tiến hành kiểm phiếu. Sau thời gian làm việc khẩn trương Ban kiểm phiếu đã thực hiện nhiệm vụ của mình trên tinh thần vô tư, trung thực và tiến hành lập biên bản báo cáo trước Đại hội như sau:

+ Tổng số 30 cổ đông và người được cổ đông ủy quyền có quyền biểu quyết tại Đại hội, đại diện sở hữu hoặc sở hữu 8.393.086 cổ phần.

I. Các vấn đề thông qua Đại hội:

- Tổng số phiếu biểu quyết thu về là 30 phiếu tương ứng 8.393.086 quyền biểu quyết.
- Kết quả kiểm phiếu:

TT	Nội dung cần thông qua Đại hội	Số phiếu tán thành	Số quyền biểu quyết tán thành	Tỷ lệ (%)	Kết quả
1	Báo cáo hoạt động HĐQT 2021	30	8.393.086	100,00%	Thông qua
2	Báo cáo hoạt động BKS 2021	30	8.393.086	100,00%	Thông qua
3	Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	30	8.393.086	100,00%	Thông qua
4	Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021	28	7.767.596	92,55%	Thông qua
5	Tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và Dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2022	29	8.393.084	100,00%	Thông qua
6	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	30	8.393.086	100,00%	Thông qua
7	Kế hoạch SXKD, đầu tư và kế hoạch huy động, sử dụng vốn năm 2022	29	8.393.084	100,00%	Thông qua
8	Ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng xây lắp có giá trị >35% tổng tài sản của Công ty	1	3.000	0,04%	Không thông qua
9	Thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với Luật DN số 59/2020/QH14.	30	8.393.086	100,00%	Thông qua

II. Biên bản kết thúc vào hồi 10h30 ngày 26 tháng 03 năm 2022, Biên bản lập 01 bản lưu trong hồ sơ ĐH ĐCD năm 2022.

Chủ tọa Đại hội

ĐẶNG TẮT THÀNH

Trưởng ban kiểm phiếu

NGUYỄN THỊ KIM ÁNH



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

Kính thưa: Quý cổ đông!

Với vai trò quản lý, giám sát và chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 505 xin báo cáo hoạt động quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022 theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2021:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương	Tổng cộng
1	Đặng Tất Thành	Chủ tịch HĐQT	120.000.000		120.000.000
2	Đặng Quang Đạt	Phó chủ tịch HĐQT kiêm GD	120.000.000	421.981.000	541.981.000
3	Vũ Sơn Thùy	TV kiêm KTT	96.000.000	279.890.000	375.890.000
4	Nguyễn Đình Phương	TV kiêm PGD	96.000.000	346.367.000	442.367.000
5	Đặng Văn Tuyền	TV HĐQT	96.000.000		96.000.000
	Tổng cộng		528.000.000	1.048.238.000	1.576.238.000

- Thù lao trên đây là giá trị đã tạm ứng trong năm, thù lao chính thức sẽ trình ĐHCĐ quyết định.

- Tiền lương: Tiền lương trên đây chỉ thanh toán cho các thành viên HĐQT trực tiếp tham gia quản lý điều hành và được chi trả theo mức độ hoàn thành theo quy chế trả lương đã được HĐQT phê duyệt và đã được quyết toán vào tháng 01/2022 trong đó đã bao gồm cả thu nhập tại các Công ty con, công ty liên kết.

- Chi phí hoạt động: Được Công ty chi trả tất cả các chi phí các cuộc họp HĐQT.

2. Về công tác quản lý, tổ chức thực hiện KH SXKD năm 2021

- Đầu năm Hội đồng quản trị tổ chức họp cùng với ban giám đốc phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021 trình Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2021, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn thường xuyên chỉ đạo Ban giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai.

- Trong năm qua HĐQT tổ chức họp trực tiếp 04 lần và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản xem xét một số đề xuất do Giám đốc điều hành trình để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ đồng thời thống nhất các giải pháp trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời. Cùng xem xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD và đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh doanh, thống nhất thông qua 20 nghị quyết kèm theo các

quyết định cụ thể tương ứng với các nội dung trong nghị quyết đã được trình bày trong báo cáo quản trị năm 2021 công bố thông tin theo quy định.

- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở kế hoạch SXKD và đầu tư đã được HĐQT phê duyệt, Giám đốc điều hành chủ động tổ chức thi công các hợp đồng đã ký đảm bảo tiến độ đã đề ra.
- Về quản lý các khoản đầu tư: Công ty tiếp tục gia hạn các hợp đồng đã ký về việc Quản lý vận hành các nhà máy của những đơn vị mà công ty tham gia góp vốn. Trong năm qua tất cả các Nhà máy (thuộc Công ty con, công ty liên kết) thiết bị hoạt động ổn định, công suất của nhà máy được phát huy tối đa trong điều kiện cho phép.
- Trong sử dụng nguồn lực: Do không tiếp tục thi công xây lắp (chuyển giao phần lớn công việc cho công ty con), Công ty tiến hành thanh lý tài sản và nhân lực phục vụ cho công tác xây lắp mục tiêu tinh giảm bộ máy.

a. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu đạt được trong năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tại Công ty mẹ			Hợp nhất		
			KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ	KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ
1	Doanh thu, thu nhập khác	10 ⁶ đ	580.656	347.969	60%	553.915	491.990	89%
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	27.453	18.882	69%	41.409	52.395	127%
3	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	100.000	100.000	100%	100.000	100.000	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	63.953	50.004	78%	41.558	41.776	101%
5	Cổ tức dự kiến 10%	10 ⁶ đ	10.000	10.000	100%	10.000	10.000	100%

- Doanh thu tại Công ty mẹ đạt 60%, hợp nhất đạt 89%, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không đạt kế hoạch:

+ Tại thời điểm lập kế hoạch chưa thành lập Công ty CP xây dựng S55 nên toàn bộ doanh thu vẫn được ghi nhận vào kế hoạch doanh thu tại Công ty mẹ. Sau khi thành lập Công ty này thì hầu hết phần việc thi công xây lắp được chuyển sang đây thực hiện dẫn đến doanh thu tại Công ty mẹ giảm.

+ Chưa quyết toán các công trình Chi Khê, Chư Pông K'ông, Sông Tranh 4.

+ Các công ty con không thực hiện chi trả cổ tức.

+ Doanh thu phát điện tại Công ty CP Ehula không đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác thu hồi vốn:

+ Gặp bế tắc trong việc thu tiền về các dự án do TCT Sông Đà làm tổng thầu trong đó đặc biệt là công nợ tại DA thủy điện Xêkaman3, Sê San 4 và Pleikrông với tổng công nợ: 72 tỷ. Do TCT Sông Đà không bảo vệ được ý kiến kiểm toán tại công trình Sê San 4 và Pleik'ông nên nếu ký quyết toán sẽ bị xuất toán khoảng 8 tỷ nên công nợ tại 2 công trình này bị âm.

+ Khó khăn trong việc thu hồi công nợ đối với một số dự án đã hoàn thành do Chủ đầu tư thiếu hợp tác như: Đại Bình, Đa Zâng. Trong đó dự án Đại Bình đã có phán quyết của Tòa Án buộc Trường Sơn phải trả 7,8 tỷ nhưng gần như không có tài sản để thi hành án, Công nợ và dở dang của Công ty Long Hội: 15 tỷ có nguy cơ không thu được do mất quyền khởi kiện.

+ Việc quyết toán và thu hồi công nợ một số công trình đã kết thúc thi công như: Bản Mòng, Sông Tranh 4, Chư Pông K'ông, Chi Khê, Khánh Khê, Hủa Na, Đồng Nai 5 đã thống nhất xong số liệu, công nợ đang thu hồi dần dự kiến xác định doanh thu trong Quý I

năm 2022. Riêng dự án Bắc Công có thể trong quý I/2022 Chủ đầu tư hoàn đổi công nợ bằng cổ phiếu.

- Lợi nhuận 50,004 tỷ chủ yếu từ thu nhập hoạt động tài chính, đầu tư tài chính và lợi nhuận từ việc hoàn thành, đưa dự án Nậm Bùm 2 đi vào hoạt động.
- Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021: Hội đồng quản trị trình mức chi trả cổ tức năm 2021 là 10% bằng tiền, mức chi trả chính thức sẽ do ĐHCĐ quyết định.

b) Về công tác đầu tư:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tại Công ty mẹ			Hợp nhất		
			KH	T.hiện	Tỷ lệ	KH	T.hiện	Tỷ lệ
1	Góp vốn đầu tư vào Công ty CP XD S55	10 ⁶ đ	80.000	19.800	25%	80.000	19.800	25%
	Tổng cộng	10 ⁶ đ	80.000	19.800	25%	80.000	19.800	25%

- **Góp vốn đầu tư vào DN khác:** Trong năm Công ty đã hoàn thành việc góp vốn tại Công ty cổ phần xây dựng S55 để đáp ứng điều kiện thi công các dự án.
- Các khoản đã góp vốn đầu tư chủ yếu là đầu tư vào đơn vị sở hữu các DA thủy điện hiện nay các DA đã đi vào hoạt động phát điện, kết quả đạt được trong năm như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Đơn vị đầu tư	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư		Doanh thu	Lợi nhuận	Cổ tức dự kiến
			Số tiền	Tỷ lệ			
1	Công ty CP điện Bắc Nà	155	79,3	51,2%	82,9	16,4	
2	Công ty cổ phần Ehula	380	285	75,0%	90,4	29,9	
3	Công ty CP TĐ Sông Ông	74	41,1	33,8%	42,4	26,1	30%
4	Công ty CP đầu tư Anzen	107,25	20	18,6%	109,3	36,4	40%
5	Công ty CP xây dựng S55	20	19,6	98,0%	290,0	49,2	
	Tổng cộng	736,25	445	60,4%	615,0	108,8	

Trong năm doanh thu của các nhà máy tại các đơn vị do Công ty tự đầu tư cơ bản đều đạt mục tiêu kế hoạch đề ra:

Tại Công ty cổ phần Ehula, trong năm 2021, DA thủy điện Nậm Bùm 2 đã phát điện nên Doanh thu và lợi nhuận năm 2021 cũng tăng cao hơn so với năm 2020. Cũng trong năm 2021, Công ty cổ phần Sông Đà 505 giảm tỷ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Ehula chỉ còn 75% do các hợp đồng ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Sông Đà 505 hết hiệu lực, những người ủy thác chính thức trở thành cổ đông tại Công ty cổ phần Ehula. Công ty Cổ phần Ehula dự kiến không chi trả cổ tức để tập trung cho việc trả nợ vay ngân hàng.

Dự kiến mức chia cổ tức tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông là 30% và Công ty cổ phần đầu tư AnZen là 40%, còn Công ty cổ phần điện Bắc Nà, Ehula, Xây dựng S55 không thực hiện chi trả cổ tức. Việc chi trả cổ tức năm 2021 chính thức sẽ do ĐHCĐ của mỗi đơn vị đầu tư quyết định.

3. Chương trình hoạt động của HĐQT trong năm 2022:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2022 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua.
- Cơ cấu lại Công ty theo 2 mảng: đầu tư và quản lý vận hành.

- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD và đầu tư để có những chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn.
- Thông qua người đại diện phân vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết, phối hợp cùng các cổ đông khác thực hiện quyền của mình theo pháp luật và theo tỷ lệ góp vốn trong việc quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty.
- Tìm các biện pháp, đôn đốc thu hồi các khoản công nợ tồn đọng, ngăn ngừa rủi ro.
- Duy trì hệ thống quản lý và cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch.

Trên đây là báo cáo tóm tắt một số hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 505 trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022. Đề nghị Đại hội cho ý kiến đóng góp để HĐQT hoàn thành các mục tiêu của ĐH cổ đông giao.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các ủy viên HĐQT; BKS;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ 2022.

TM/Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Đặng Tất Thành



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 03 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 505;
Căn cứ báo cáo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021, Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông về kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động trong năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021:

1. Về nhân sự:

Nhân sự Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã được Đại hội cổ đông thường niên họp và thông qua tháng 03/2021 thông qua với các thành viên sau:

- Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Đức Mỹ - Thành viên
- Bà Đinh Thị Trang Nhung - Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2021, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện các công việc sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty:
 - + Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng, 01 (một) năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán.
 - + Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH:

1. Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty năm 2021 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu, thu nhập khác	10 ⁶ đ	580.656	347.969	60%
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	27.453	18.882	69%
3	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	100.000	100.000	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	63.953	50.004	78%
5	Cổ tức 10%	10 ⁶ đ	10.000	10.000	100%

Qua xem xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cũng như tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh 2021, Ban Kiểm soát đánh giá:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực. Việc thực hiện kế hoạch năm 2021 không đạt theo kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không đạt kế hoạch:

- + Đối với hoạt động thu xây lắp không đạt: Do tại thời điểm lập kế hoạch chưa thành lập Công ty cổ phần Xây dựng S55, do đó toàn bộ doanh thu được ghi nhận vào doanh thu của công ty mẹ. Sau khi thành lập công ty con thì một phần công việc được chuyển sang thực hiện tại Công ty con dẫn đến nguyên nhân sản lượng giảm dẫn đến doanh thu giảm.

- + Chưa quyết toán các ông trình Chi Khê, Chư Pông Kroong, Sông Tranh 4...

- + Doanh thu phát điện tại Công ty CP Ehula không đạt theo kế hoạch đề.

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 50,004 (năm mươi phẩy không không bốn) tỷ đồng chủ yếu từ thu nhập hoạt động tài chính, đầu tư tài chính và lợi nhuận từ việc hoàn thành, đưa dự án Nậm Bùm 2 đi vào hoạt động.

- HĐQT, Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 để điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi, đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông như dự kiến.

- Công tác thu hồi vốn:

- + Gặp bế tắc trong việc thu tiền về các dự án do TCT Sông Đà làm tổng thầu trong đó đặc biệt là công nợ tại Dự án thủy điện Xêkaman3, Sê San 4 và Pleikrông với tổng công nợ 72 (bảy mươi hai) tỷ đồng. Do TCT Sông Đà không bảo vệ được ý kiến kiểm toán tại công trình Sê San 4 và Pleikrong nên nếu ký quyết toán sẽ bị xuất toán khoảng 08 (tám) tỷ đồng nên công nợ tại hai công trình này bị âm.

- + Khó khăn trong việc thu hồi công nợ đối với một số dự án đã hoàn thành do Chủ đầu tư thiếu hợp tác như: Đại Bình, Đa Zâng. Trong đó dự án Đại Bình đã có phán quyết của Tòa Án buộc Trường Sơn phải trả 7,8 (bảy phẩy tám) tỷ đồng nhưng gần như

không có tài sản để thi hành án, Công nợ và dở dang của công ty Long Hội: 15 (mười lăm) tỷ đồng có nguy cơ không thu được do mất quyền khởi kiện.

- + Việc quyết toán và thu hồi công nợ một số công trình đã kết thúc thi công như: Bàn Mòng, Sông Tranh 4, Chư Pông Kroong, Chi Khê, Khánh Khê, Hòa Na, Đồng Nai 5 đã thống nhất xong số liệu, công nợ đang thu hồi dần dự kiến xác định doanh thu trong Quý I/2022. Riêng dự án Bắc Công có thể trong quý I/2022 Chủ đầu tư hoàn đổi công nợ bằng cổ phiếu.

2. Về công tác đầu tư phát triển năm 2021:

- Công ty đã thực hiện 19,6 (mười chín phẩy sáu) tỷ đồng vào Công ty cổ phần xây dựng S55 để đáp ứng điều kiện thi công các gói thầu.
- Các khoản đã góp vốn đầu tư chủ yếu là đầu tư vào đơn vị sở hữu các Dự án thủy điện hiện nay các Dự án đã đi vào hoạt động phát điện, đa phần đạt mục tiêu kế hoạch đề ra cụ thể: trong năm 2021 Công ty cổ phần Ehula – Dự án thủy điện Nậm Bùm 2 đã phát điện nên Doanh thu và lợi nhuận năm 2021 cũng tăng cao hơn so với năm 2020. Cũng trong năm 2021, Công ty cổ phần Sông Đà 505 giảm tỷ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Ehula chỉ còn 75% do các hợp đồng ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Sông Đà 505 hết hiệu lực, những người ủy thác chính thức trở thành cổ đông tại Công ty cổ phần Ehula. Công ty Cổ phần Ehula dự kiến không chi trả cổ tức để tập trung cho việc trả nợ vay ngân hàng.
- Các doanh nghiệp sở hữu dự án thủy điện đã đi vào hoạt động: Công ty cổ phần Điện Bắc Nà, Công ty cổ phần Ehula, Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Ông, Công ty cổ phần Đầu tư AnZen.

Qua xem xét Công tác đầu tư phát triển của Công ty năm 2021, Ban Kiểm soát đánh giá Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển dịch từ thi công sang đầu tư thủy điện khi thị trường xây dựng thủy điện thưa dần. Các doanh nghiệp Công ty đầu tư đã có dự án thủy điện đi vào vận hành ổn định, có lãi.



III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2021 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính được Công ty lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.
- Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; sổ sách kế toán được lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản đầy đủ, kịp thời và theo đúng quy định về mẫu biểu của chế độ kế toán hiện hành.
- Công tác báo cáo, công bố thông tin tài chính định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết.
- Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết. Ý kiến của kiểm toán viên đã đánh giá “Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty

cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

Sau khi xem xét và kiểm tra, Ban Kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

2. Về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021:

Căn cứ Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán, tình hình tài chính của Công ty thể hiện qua một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tính đến 31/12/2021 các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định.
- Tổng tài sản đến 31/12/2021 đạt 700.832 triệu đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn đạt 248.474 triệu đồng chiếm 35,5%, Tài sản dài hạn là 452.358 triệu đồng chiếm 64,5% Tổng tài sản. Trong tài sản ngắn hạn, Công ty có lượng tiền và tương đương tiền khá tốt có thể chủ động cho hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu được rà soát, đánh giá và trích lập dự phòng đúng quy định. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vào các Công ty thủy điện sở hữu các Dự án thủy điện đã đi vào hoạt động và có lãi (*Công ty cổ phần Điện Bắc Nà, Công ty cổ phần Ehula, Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Ông, Công ty cổ phần Đầu tư AnZen*).
- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2021 là 700.832 triệu đồng, trong đó nợ phải trả là 149.618 triệu đồng, chiếm 21,3% tổng nguồn vốn, đây là mức hệ số nợ khá an toàn và lành mạnh.
- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu hiệu quả tại 31/12/2021 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, vòng quay vốn hợp lý, hiệu quả hoạt động khá tốt.

IV. THẨM ĐỊNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRONG NĂM 2021:

Qua xem xét Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có những đánh giá như sau:

- Báo cáo của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các nghị quyết phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các nghị quyết Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, được các thành viên nhất trí cao, đồng thời được Ban điều hành tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và có hiệu quả.
- Hội đồng quản trị đã bám sát và tích cực chỉ đạo Ban giám đốc điều hành để triển khai thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đều tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đề ra kế hoạch cho quý tiếp theo.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tập trung thực hiện kiểm tra giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty, giám sát HĐQT, Ban Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, có các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thi công gắn với nâng cao thu nhập của người lao động, đảm bảo an toàn cho người lao động.
- Rà soát đánh giá lại toàn bộ các công trình Công ty đang thi công về tính hiệu quả, tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán để có các giải pháp thiết thực đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu thanh quyết toán, thu hồi vốn, lựa chọn và tập trung các nguồn lực để thực hiện các công trình có hiệu quả cao. Đối với các công trình mới, cần đánh giá kỹ năng lực tài chính của Chủ đầu tư để đảm bảo khả năng thanh toán, thu hồi vốn.
- Kiểm soát, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đẩy nhanh việc thu hồi công nợ đặc biệt là khoản nợ khó đòi để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành Công ty cần thường xuyên đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư, hoạt động của các dự án thủy điện mà Công ty tham gia đầu tư góp vốn để có biện pháp quản lý rủi ro phù hợp. Đối với các công trình đang thi công, Công ty cần có các giải pháp đảm bảo thi công an toàn, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình.
- HĐQT, Ban điều hành tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong lĩnh vực thủy điện để xem xét đầu tư đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 505 về kết quả hoạt động kiểm soát và thẩm định năm 2021 và kế hoạch năm 2022, Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên BKS;
- Lưu tài liệu ĐH ĐCD 2022.

**BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trịnh Thị Mỹ Hạnh



Gia Lai, ngày 03 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH
CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505
“Về các vấn đề cần ĐH cổ đông thảo luận và thông qua”

Căn cứ kết quả SXKD năm 2021 và nhiệm vụ SXKD năm 2022, HĐQT xin trình các cổ đông thảo luận, xem xét để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau:

1. Ba nội dung kèm chi tiết trình Đại hội gồm: Báo cáo hoạt động HĐQT; Báo cáo hoạt động BKS; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

2. Phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	100.000.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế năm trước chưa phân phối	Đồng	
III	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2021	Đồng	64.452.501.492
1	Lợi nhuận Công ty mẹ	Đồng	60.374.326.040
2	Lợi nhuận tại Công ty con, công ty liên kết	Đồng	106.565.684.223
-	Lợi nhuận tại Công ty CP điện Bắc Nà	Đồng	17.661.928.887
-	Lợi nhuận tại Công ty cổ phần Ehula	Đồng	29.949.776.093
-	Lợi nhuận tại Công ty cổ phần xây dựng S55	Đồng	49.243.013.542
-	LN còn lại tại Công ty Sông Ông năm 2021	Đồng	9.710.965.701
3	Loại trừ LN từ giao dịch với Công ty con	Đồng	(102.487.508.771)
IV	Thuế TNDN năm 2021		6.782.274.354
1	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	16.495.999.913
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty mẹ	Đồng	10.369.612.695
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Ehula	Đồng	5.077.290.517
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty Bắc Nà	Đồng	1.000.803.348
-	Thuế TNDN phát sinh tại Công ty XD S55	Đồng	48.293.353
2	Thuế TNDN hoãn lại từ LN hình thành với cty con	Đồng	(9.713.725.559)
V	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Đồng	57.670.227.137
VI	Phương án phân phối (=II+V)	Đồng	57.670.227.137
1	Chi trả cổ tức năm 2021	Đồng	10.000.000.000
-	Chi trả cổ tức 10% bằng TM (theo thời điểm chốt)	Đồng	10.000.000.000
2	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	Đồng	31.776.554.957
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Đồng	31.776.554.957
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Đồng	15.893.672.180

Hội đồng quản trị trình mức chi trả cổ tức năm 2021 10% bằng tiền, mức chi trả chính thức sẽ do ĐHCĐ quyết định.

3. Mức chi trả thù lao năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

TT	Nội dung	Đơn vị	TH năm 2021	KH năm 2022
1	Hội đồng quản trị	10 ³ đ	528.000	528.000
2	Ban kiểm soát	10 ³ đ	168.000	168.000
	Tổng cộng	10³đ	696.000	696.000

4. **Lựa chọn Công ty kiểm toán:** Đề nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với Công ty niêm yết để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

5. **Kế hoạch SXKD, đầu tư và KH huy động, sử dụng vốn năm 2022:**

a) **KH SXKD:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	10 ⁶ đ	114.561	1.147.757
2	Nợ ngân sách	10 ⁶ đ	8.660	83.787
3	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	100.000	100.000
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	32.457	92.871
5	Cổ tức dự kiến 10%	10 ⁶ đ	10.000	10.000

b) **Kế hoạch đầu tư và KH huy động, sử dụng vốn:**

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
A	Kế hoạch sử dụng vốn	10⁶đ	209.990	523.210
I	Đầu tư	10⁶đ	80.000	85.000
1	Góp vốn đầu tư	10 ⁶ đ	80.000	80.000
2	Đầu tư thiết bị thi công	10 ⁶ đ		5.000
II	Phục vụ SXKD	10⁶đ	129.990	438.210
B	Nguồn vốn tự có và huy động	10⁶đ	209.990	523.210
I	Vốn tự có tham gia vào SXKD	10⁶đ	159.990	253.210
II	Vốn huy động	10⁶đ	50.000	270.000
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	10 ⁶ đ	50.000	70.000
2	Vay dài hạn ngân hàng	10 ⁶ đ		100.000
3	Huy động vốn của CBCNV	10 ⁶ đ		30.000
4	Ứng vốn thi công, huy động khác	10 ⁶ đ		70.000

6. Đề nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng xây lắp có giá trị > 35% tổng tài sản của Công ty

7. Thông qua Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty cho phù hợp với Luật DN số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và thông tư hướng dẫn đối với Công ty đại chúng.

Đề nghị các cổ đông xem xét, thảo luận cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (qua website);
- Các ủy viên HĐQT (email);
- 01 bản gốc lưu "Tài liệu ĐHCĐ 2021".



ĐẶNG TẮT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

(Số: 25./ĐL-S55-ĐH2022)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 26 tháng 03 năm 2022

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **SÔNG ĐÀ 505**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **SONG DA 505 JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **SONG DA 505 JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Làng Tăng - xã IaO - huyện IaGrai - tỉnh Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Làng Tăng - xã IaO - huyện IaGrai - tỉnh Gia Lai

- Điện thoại: 024.62659 505 - Email: Songda505.s55@gmail.com

- Website: <http://www.songda505.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc công ty

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, thủy điện, thủy lợi, giao thông;

- Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng;

- Thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;

- Khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi và khai khoáng khác (mã ngành nghề 0710; 0810; 0899).

- Kinh doanh bất động sản (mã ngành nghề 6810).

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm;

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Đầu tư và kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn mang lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, hài hòa lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát
3. Giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai

mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến

hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được

thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ

ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ

đồng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, Luật hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đề báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại

lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội

đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03

thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu bên kia chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định; Riêng việc thay đổi số lượng thành viên HĐQT; BKS thì phải sửa điều lệ này trước khi bầu là 12 tháng.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 505 nhất trí thông qua ngày 26 tháng 03 năm 2022 tại Hà nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Chủ tịch HĐQT



Đặng Tất Thành

Ủy viên HĐQT :

Đặng Quang Đạt

Nguyễn Đình Phương

Đặng Văn Tuyển

Vũ Sơn Thủy